ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18 /2018/QĐ-UBND	*Kiên Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 359/TTr-STNMT ngày 03 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang:

1. Khoản 1, Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Trường hợp đủ điều kiện tồn tại không phải di dời:

a) Nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật thì được bồi thường, hỗ trợ phần

diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không. Mức bồi thường bằng 70% giá trị nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, theo đơn giá xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật (kể cả trường hợp ở nhờ, ở thuê trên đất của người khác) thì được hỗ trợ bằng 50% giá trị nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, theo đơn giá xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định".

2. Bổ sung Điều 9a như sau:

"Điều 9a. Bồi thường đối với cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

1. Cây có trước khi thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp và trong hành lang an toàn lưới điện, nếu phải chặt bỏ và cấm trồng mới theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 hoặc cây ngoài hành lang có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn quy định tại Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện, thì đơn vị quản lý vận hành có quyền kiểm tra, chặt, tỉa cây để đảm bảo an toàn cho đường dây dẫn điện trên không và được bồi thường theo quy định hiện hành.

2. Mức bồi thường đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện một lần đối với một cây theo đơn giá quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh".

3. Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"đ) Hộ gia đình bị thu hồi đất ở có từ 06 nhân khẩu trở lên (không bao gồm nhân khẩu nhập nhờ sau ngày công bố quy hoạch để thực hiện dự án) hoặc hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi từ 150 mét vuông đất ở trở lên mà phải di chuyển chỗ ở thì được bố trí hai suất tái định cư. Trường hợp có cả hai điều kiện cũng chỉ được bố trí hai suất tái định cư".

4. Khoản 1, Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các Điểm a, b, c, Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai hoặc hộ gia đình thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các Điểm d, đ và e, Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm

nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm như sau:

Hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá 02 hecta".

5. Khoản 2, Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư cụ thể như sau:

a) Huyện Phú Quốc, huyện Kiên Hải và các xã đảo của thị xã Hà Tiên, các xã đảo của huyện Kiên Lương: 216 triệu đồng/suất.

b) Các huyện, thị xã, thành phố còn lại: 181 triệu đồng/suất".

6. Khoản 4, Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì giá suất tái định cư tối thiểu được quy định như sau:

a) Khu vực nông thôn:

- Tại các xã của huyện Phú Quốc; huyện Kiên Hải; các xã đảo của thị xã Hà Tiên và các xã đảo của huyện Kiên Lương: 216 triệu đồng/suất;

- Các xã của các huyện, thị xã, thành phố còn lại: 181 triệu đồng/suất.

b) Khu vực đô thị:

- Tại các thị trấn của huyện Phú Quốc và các phường của thành phố Rạch Giá: 294 triệu đồng/suất;

- Các phường, thị trấn của các huyện, thị xã còn lại: 246 triệu đồng/suất".

7. Khoản 3, Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Hộ gia đình, cá nhân cất nhà ở trên đất nông nghiệp; ở nhờ trên đất Nhà nước quản lý; người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trước ngày công bố quy hoạch để thực hiện dự án khi bị giải tỏa mà không còn đất ở và không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở nhờ, nơi sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước thì được bồi thường vật kiến trúc và được hỗ trợ một suất tái định cư. Trường hợp nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu quy định tại Khoản 4, Điều 18 của Quy định này thì được hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường, hỗ trợ. Trường hợp không nhận đất ở, nhà ở tại khu tái định cư mà tự lo chỗ ở thì được nhận khoản tiền hỗ trợ bằng 70% giá trị suất tái định cư quy định tại Khoản 2, Điều 15 của Quy định này".

8. Khoản 9, Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"9. Hộ gia đình, cá nhân có mồ mả phải di dời, ngoài việc được bồi thường theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về bồi thường di chuyển mồ mả còn được bố trí đất để cải táng mồ mả. Trường hợp địa phương không có đất để bố trí thì được hỗ trợ bằng tiền cụ thể như sau:

a) Mồ mả tại các phường, thị trấn: 15.000.000 đồng/mộ.

b) Mồ mả tại các xã: 10.000.000 đồng/mộ.

c) Đối với mồ mả chưa xác định được chủ, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tối thiểu 06 lần, mỗi lần cách nhau 05 ngày; sau khi có thông báo mà không có chủ đến nhận thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hợp đồng với đơn vị phục vụ mai táng tổ chức bốc mộ, cải táng theo chi phí thực tế (nhưng không vượt quá số tiền hỗ trợ quy định tại Điểm a, b Khoản này) và đưa vào phương án bồi thường để thông qua Hội đồng thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Khoản 10, Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"10. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất thực hiện di dời và bàn giao đất thì được xét thưởng bằng tiền như sau:

a) Thưởng 01 triệu đồng trong trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ dưới 20 triệu đồng.

b) Thưởng 02 triệu đồng trong trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ từ 20 triệu đến dưới 50 triệu đồng.

c) Thưởng 03 triệu đồng trong trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ từ 50 triệu đến dưới 100 triệu đồng.

d) Thưởng 05 triệu đồng trong trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ từ 100 triệu đến dưới 200 triệu đồng.

đ) Thưởng 08 triệu đồng trong trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ từ 200 triệu đồng trở lên.

Các trường hợp giao mặt bằng trước thời hạn theo quy định tại Khoản này phải được lập thành biên bản và có chữ ký của các bên giao, nhận theo quy định. Không xét thưởng đối với cơ quan Đảng, Đoàn thể, Nhà nước".

10. Bổ sung Khoản 11 vào Điều 19 như sau:

"11. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, có đầu tư và có thành quả lao động trên đất, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp mà hiện nay diện tích đất này vẫn được xác định giao cho tổ chức quản lý rừng sử dụng thì được xem xét bồi thường, hỗ trợ như sau:

a) Sử dụng đất từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày có quyết định giao đất cho tổ chức quản lý rừng sử dụng:

- Trường hợp không có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền được bồi thường theo quy định;

- Trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền nhưng thực tế Nhà nước không quản lý mà người dân vẫn tiếp tục sử dụng được hỗ trợ bằng 100% giá trị quyền sử dụng đất theo hiện trạng của loại đất đang sử dụng.

b) Sử dụng đất từ ngày có quyết định giao đất cho tổ chức quản lý rừng sử dụng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004:

- Trường hợp không có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền được hỗ trợ bằng 80% giá trị quyền sử dụng đất theo hiện trạng của loại đất đang sử dụng;

- Trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền được hỗ trợ bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất theo hiện trạng của loại đất đang sử dụng.

c) Sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 được hỗ trợ bằng 40% giá trị quyền sử dụng đất theo hiện trạng của loại đất đang sử dụng.

d) Đối với trường hợp sử dụng đất quy định tại Điểm b Khoản này và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét bồi thường theo quy định.

đ) Các trường hợp sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau không được xem xét bồi thường, hỗ trợ.

e) Đối với cây trồng (hoa màu) trên đất được hỗ trợ bằng 100% giá trị tại thời điểm thu hồi đất.

g) Giá đất, giá cây trồng để tính hỗ trợ quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c và Điểm e Khoản này tính theo bảng giá đất, giá cây trồng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Diện tích hỗ trợ là diện tích thực tế của loại đất đang sử dụng bị thu hồi nhưng tối đa không quá 03 ha đối với đất nông nghiệp; không quá 300 m^2 đối với đất ở tại nông thôn và không quá 200 m^2 đối với đất ở tại đô thị".

11. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 21. Thẩm quyền thu hồi đất, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**

1. Thẩm quyền quyết định thu hồi đất

a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất.

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 66 của Luật Đất đai.

2. Thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê

duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng hoặc Quản lý đô thị và các phòng, ban có liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất và trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền quyết định thu hồi đất.

3. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.

4. Căn cứ phương án bồi thường được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất hoặc nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất.

5. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân cấp huyện phải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Quản lý đất đai) để theo dõi, kiểm tra".

Điều 2. Bãi bỏ Khoản 4, Điều 19

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những dự án đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng hoặc điều chỉnh lại theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao cho Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2018.

3. Quyết định này bãi bỏ một số nội dung của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

a) Khoản 1, Điều 9.

b) Điểm đ, Khoản 1, Điều 12.

c) Khoản 1, Điều 14.

d) Khoản 2, Điều 15.

đ) Khoản 4, Điều 18.

e) Khoản 3, Khoản 9 và Khoản 10, Điều 19.

g) Điều 21.

4. Các nội dung còn lại thực hiện theo Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5 của Quyết định;
- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Kiên Giang;
- UBMTTQVN tỉnh Kiên Giang;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KTCN;
- Lưu: VT, STNMT (5b), dtnha.220

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Vũ Hồng

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 10.07.2018 08:55:27 +07:00